TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **121**/2026/QĐST-DS	*Hạ Long, ngày 30 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147; Điều 157; Điều 158; Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 33, Điều 59 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 22 tháng 8 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ tranh chấp vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 02/2026/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2026 về "Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn".

XÉT THẤY:

Tại đơn khởi kiện bà Trương Thị C yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản có trong thời kỳ hôn nhân giữa bà và ông Nguyễn Văn M gồm 10 tài sản là quyền sở hữu nhà, quyền quản lý sử dụng đất. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án bà Trương Thị C đã có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung đối với 07 tài sản gồm:

- 01 ngôi nhà gắn liền với mảnh đất có diện tích 75 m^2 tại thửa đất 95B, tờ bản đồ số 55, địa chỉ: D, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN212429 do UBND thành phố C cấp ngày 17/9/2013 mang tên người sử dụng đất Nguyễn Văn M.

- Quyền sử dụng đất thửa đất: Ô số 83 Lô LK - 01, tờ bản đồ số 01, diện tích 81 m2 tại địa chỉ: phường K, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác liền với đất số: BM701111 do UBND thành phố M cấp ngày 28/12/2012 mang tên người sử dụng đất Nguyễn Văn M.

- Quyền sử dụng đất thửa đất số 142, tờ bản đồ số 78, diện tích 123,5 m2 tại địa chỉ: I, khu H, phường C, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do UBND thị xã C cấp ngày 14/12/2006; mang tên người sử dụng đất Đỗ

Thị C1 - Phạm V , số vào sổ cấp GCN QSD đất H1102, đăng ký biến động cho ông Nguyễn Văn M ngày 19/8/2014.

- Quyền sử dụng đất thửa đất: ô số 38, tờ bản đồ số Lô 5, có diện tích 100 m^2 tại địa chỉ: Tây B, phường C, thành phố C tỉnh Quảng Ninh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 748069 do UBND thị xã C cấp ngày 05/9/2006 mang tên người sử dụng đất Nguyễn Văn M.

- Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất có diện tích 39,6 m2 tại tổ F, khu E, phường C, thị xã C (nay là phường C), tỉnh Quảng Ninh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 347447 do UBND thị xã C cấp ngày 01/12/2004 mang tên người sử dụng đất ông Nguyễn Thành Đ, đăng ký biến động cho ông Nguyễn Văn M và bà Trương Thị C ngày 05/5/2020.

- Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất có diện tích 78 m2 tại thửa đất số 423, tờ bản đồ số 03, địa chỉ: TDP số B, thị trấn Y, huyện H, tỉnh Nam Định đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG442206 do UBND huyện H, tỉnh Nam Định cấp ngày 10/10/2011 mang tên người sử dụng đất Nguyễn Văn M.

- Quyền sử dụng thửa đất và tài sản trên đất có diện tích 48 m2 tại thửa đất số 263, tờ bản đồ số: 09, địa chỉ: số B KTX Đồi L, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (phường H, tỉnh Quảng Ninh) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK667884 do UBND thành phố H cấp ngày 29/9/2017, mang tên người sử dụng đất Nguyễn Văn M và Trương Thị C.

Do đó Tòa án không xem xét giải quyết đối với các tài sản này.

Tại phiên hòa giải ngày 22/8/2026 các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trương Thị C, sinh năm 1975; CCCD số: 022175003720; cấp ngày 10/8/2021; Nơi thường trú: 64, khu F, phường C, tỉnh Quảng Ninh; Nơi tạm trú: tổ A, khu H, phường H, tỉnh Quảng Ninh.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn M; sinh năm 1970; CCCD số 036070007497 do Bộ A cấp ngày 25/9/2024; nơi thường trú: xóm A, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; chỗ ở hiện nay: số nhà E, đường N, phường H, tỉnh Quảng Ninh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà Trương Thị C và ông Nguyễn Văn M thống nhất thỏa thuận chia 03 tài sản chung có trong thời kỳ hôn nhân và giá trị của tài sản như sau:

- Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đấttại thửa đất số 128, tờ bản đồ số 33, có diện tích 74,1 m2; địa chỉ: B, khu A, phường H, thành phố H tỉnh Quảng Ninh (nay là phường H, tỉnh Quảng Ninh), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA984545 do Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 10/02/2010, mang tên người sử dụng đất Bùi Công S, Trần Thị N, đăng ký biến động chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn M ngày 15/5/2012, trị giá 10.000.000.000đ (mười tỷ đồng).

- Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đấttại thửa đất số 239, tờ bản đồ số 34, có diện tích 53,97 m^2, địa chỉ: F, khu B, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (nay là phường H, tỉnh Quảng Ninh) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO2455489 do UBND thành phố H cấp ngày 05/7/2019, mang tên người sử dụng đất Nguyễn Văn Văn H - Nguyễn Thị P, ngày 02/01/2020 đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn M và bà Trương Thị C, trị giá 10.000.000.000đ (mười tỷ đồng).

- Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 274, tờ bản đồ số 38, có diện tích 56,8 m2; địa chỉ: F, khu B, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (nay là phường H, tỉnh Quảng Ninh) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD318075 do UBND thành phố H cấp ngày 24/12/2021, mang tên người sử dụng đất Vũ Văn T - Đặng Thị N1, ngày 10/01/2022, chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn M và bà Trương Thị C; trị giá 6.000.000.000đ (sáu tỷ đồng)

- Tổng trị giá tài sản yêu cầu chia là 26.000.000.000đ (hai mươi sáu tỷ đồng).

2.2. Bà Trương Thị C và ông Nguyễn Văn M thỏa thuận chia tài sản chung có trong thời kỳ hôn nhân, cụ thể như sau:

- Bà Trương Thị C được quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 128, tờ bản đồ số 33, có diện tích 74,1 m^2, địa chỉ: B, khu A, phường H, thành phố H (nay là phường H), tỉnh Quảng Ninh, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA984545 do Ủy ban nhân dân thành phố H cấp ngày 10/02/2010, số vào sổ cấp GCN: CH00124 mang tên người sử dụng đất Bùi Công S, Trần Thị N, đăng ký biến động cho ông Nguyễn Văn M ngày 15/5/2012.

- Ông Nguyễn Văn M được quyền quản lý sử dụng 02 thửa đất cùng toàn bộ tài sản trên đất gồm:

+ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 239, tờ bản đồ số 34, có diện tích 53,97 m^2 tại 6, khu B, phường H, thành phố H (nay là phường H) tỉnh Quảng Ninh, đã được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 245548 do Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp ngày 05/7/2019, Số vào sổ cấp GCN CH32446 mang tên người sử dụng đất Nguyễn Văn H - Nguyễn Thị P, đăng ký biến động cho ông Nguyễn Văn M và bà Trương Thị C ngày 02/01/2020

+ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 274, tờ bản đồ số 38, diện tích 56,8m^2, địa chỉ: F, khu B, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (nay là phường H, tỉnh Quảng Ninh) đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 318075 do Ủy ban nhân dân thành phố H cấp ngày 24/12/2021, mang tên người sử dụng đất Vũ Văn T - Đặng Thị N1, đăng ký biến động ngày 10/01/2022 cho ông Nguyễn Văn M và bà Trương Thị C, ngày 10/01/2022.

- Bà Trương Thị C, có nghĩa vụ bàn giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO2455489 do Ủy ban nhân dân thành phố H cấp ngày 05/7/2019 và Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số DD 318075 do Ủy ban nhân dân thành phố H cấp ngày 24/12/2021 cho ông Nguyễn Văn M.

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký biến động quyền sử dụng đất để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Ông Nguyễn Văn M có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trương Thị C lệch của 02 tài sản được hưởng, số tiền 1.000.000.000đ (một tỷ đồng).

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, bà C có đơn yêu cầu thi hành án thì ông M còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán cho bà C.

2.3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Số tiền xem xét thẩm định tại chỗ là 19.300.000đ *(mười chín triệu, ba trăm nghìn đồng)*. Bà C và ông M thỏa thuận: Bà C có nghĩa vụ nộp 10.000.000 đồng, ông M có nghĩa vụ nộp 9.300.000 đồng. Bà C đã nộp đủ, ông Nguyễn Văn M có nghĩa vụ trả lại cho bà Trương Thị C số 9.300.000đ *(chín triệu, ba trăm nghìn đồng)*.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, bà C có đơn yêu cầu thi hành án thì ông M còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán cho bà C.

2.4. Về án phí: Bà Trương Thị C có nghĩa vụ nộp 59.500.000đ *(năm mươi chín triệu, năm trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền 68.075.000 đồng bà C đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

0000058 ngày 06/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh được trừ vào số tiền bà C phải nộp. Trả lại bà Trương Thị C 8.575.000đ *(Tám triệu, năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)*.

Ông Nguyễn Văn M có nghĩa vụ nộp 61.500.000đ *(sáu mươi mốt triệu, năm trăm nghìn đồng).*

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Khu vực 1 - Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- THADS tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đoàn Thị Thủy